TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/~~2025/~~HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2025
V/v "ly hôn, trA chấp nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà: Bà Lê Hoàng Mỹ Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về *"ly hôn, trA chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Xuân M, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk La, huyện Đ, tỉnh K.

- *Bị đơn:* A Nguyễn Quang Trọng Ng, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 75A Lương Thế Vinh, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân M trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M tự nguyện kết hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng và đã được Uỷ ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2016. Sau khi kết hôn, A chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giai đoạn năm 2022-2023, A Ng bắt đầu ăn chơi, quậy phá. Tháng 8/2023, chị M phát hiện A Ng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. A chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho

nhau. Vào tháng 7/2024, chị M đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ, không quay về chung sống tiếp. Chị Lê Thị Xuân M nhận thấy đã hết tình cảm với A Nguyễn Quang Trọng Ng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị M trình bày: Do A Ng mới đi làm, thu nhập chưa ổn định nên chị chỉ yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. A Ng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.*

**Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân M đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. A Ng đã từ bỏ quyền và Ng vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M được ly hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, A Ng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trA luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng có nơi cư trú tại số 75A Lương Thế Vinh, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K. Quan hệ trA chấp trong vụ án là *"Ly hôn, trA chấp nuôi con"*. Việc Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, A Ng đã từ bỏ quyền và Ng vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Xuân M thay đổi số tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Xuân M và A Nguyễn Quang Trọng Ng tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2016 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và A Ng là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy sau khi kết hôn, chị M và A Ng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm, gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do: *"Giai đoạn năm 2022-2023, A Ng bắt đầu ăn chơi, quậy phá. Tháng 8/2023, chị M phát hiện A Ng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. A chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau"*. Tại phiên tòa hôm nay, chị M khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với A Ng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Để làm rõ về mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị M và A Ng, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị Thu Th (là mẹ đẻ của A Ng). Bà Th cho biết: *"Sau khi kết hôn, chị M và A Ng về nhà bà Th sinh sống. Trong quá trình chung sống, A chị có xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Gia đình có khuyên bảo, động viên. A Ng công ăn việc làm không ổn định nên không có thu nhập. Từ khoảng cuối tháng 12/2023, chị M và con đã dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân M với A Nguyễn Quang Trọng Ng đã thực sự trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. A chị hiện đã sống ly thân thời gian dài (từ tháng 12/2023 đến nay), mạnh ai nấy sống. Tháng 7/2024, chị M khởi kiện về việc *"Ly hôn"* với A Ng nhưng đến tháng 8/2024, chị M rút đơn để đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn và tiếp tục sống ly thân. Trong dịp Tết Nguyên đán vừa qua, A chị cũng không về đoàn tụ. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thấy rằng, hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân M và A Nguyễn Quang Trọng Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị M với A Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Xuân M xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi con chung. Tại bản tự khai, cháu Nhật A cũng có nguyện vọng ở với mẹ.

Thấy rằng, trong thời gian chị M và A Ng sống ly thân, chị M là người trực tiếp chăm sóc con chung và cháu Nhật A đã có cuộc sống ổn định với mẹ. Do đó, cần phải giao con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, A Ng không trực tiếp nuôi con nên có Ng vụ cấp dưỡng cho con. Chị M yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, A Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. A Ng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Do không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Xuân M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, A Nguyễn Quang Trọng Ng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"ly hôn, trA chấp nuôi con"* của chị Lê Thị Xuân M, đơn đề ngày 15/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M được ly hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018 cho chị Lê Thị Xuân M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

A Nguyễn Quang Trọng Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng có quyền, Ng vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị Xuân M có quyền yêu cầu thi hành án. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0000336 ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

A Nguyễn Quang Trọng Ng phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/4/2025), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- UBND p. Thống Nhất, TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ry Thị Mỹ Hoàng

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ K

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/~~2025/~~HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2025
V/v "ly hôn, trA chấp nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà: Bà Lê Hoàng Mỹ Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về *"ly hôn, trA chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Xuân M, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk La, huyện Đ, tỉnh K.

- *Bị đơn:* A Nguyễn Quang Trọng Ng, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 75A Lương Thế Vinh, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân M trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M tự nguyện kết hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng và đã được Uỷ ban nhân dân phường Thống Nhất,

thành phố K, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2016. Sau khi kết hôn, A chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giai đoạn năm 2022-2023, A Ng bắt đầu ăn chơi, quậy phá. Tháng 8/2023, chị M phát hiện A Ng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. A chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vào tháng 7/2024, chị M đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ, không quay về chung sống tiếp. Chị Lê Thị Xuân M nhận thấy đã hết tình cảm với A Nguyễn Quang Trọng Ng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị M trình bày: Do A Ng mới đi làm, thu nhập chưa ổn định nên chị chỉ yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. A Ng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.*

**Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân M đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. A Ng đã từ bỏ quyền và Ng vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M được ly hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, A Ng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng có nơi cư trú tại số 75A Lương Thế Vinh, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K. Quan hệ trA chấp trong vụ án là *"Ly hôn, trA chấp nuôi con"*. Việc Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn A Nguyễn Quang Trọng Ng đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, A Ng đã từ bỏ quyền và Ng vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Xuân M thay đổi số tiền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Xuân M và A Nguyễn Quang Trọng Ng tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2016 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và A Ng là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy sau khi kết hôn, chị M và A Ng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm, gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do: *"Giai đoạn năm 2022-2023, A Ng bắt đầu ăn chơi, quậy phá. Tháng 8/2023, chị M phát hiện A Ng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. A chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau"*. Tại phiên tòa hôm nay, chị M khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với A Ng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Để làm rõ về mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị M và A Ng, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị Thu Th (là mẹ đẻ của A Ng). Bà Th cho biết: *"Sau khi kết hôn, chị M và A Ng về nhà bà Th sinh sống. Trong quá trình chung sống, A chị có xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Gia đình có khuyên bảo, động*

viên. A Ng công ăn việc làm không ổn định nên không có thu nhập. Từ khoảng cuối tháng 12/2023, chị M và con đã dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống".

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân M với A Nguyễn Quang Trọng Ng đã thực sự trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. A chị hiện đã sống ly thân thời gian dài (từ tháng 12/2023 đến nay), mạnh ai nấy sống. Tháng 7/2024, chị M khởi kiện về việc *"Ly hôn"* với A Ng nhưng đến tháng 8/2024, chị M rút đơn để đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn và tiếp tục sống ly thân. Trong dịp Tết Nguyên đán vừa qua, A chị cũng không về đoàn tụ. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thấy rằng, hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân M và A Nguyễn Quang Trọng Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị M với A Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Xuân M xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi con chung. Tại bản tự khai, cháu Nhật A cũng có nguyện vọng ở với mẹ.

Thấy rằng, trong thời gian chị M và A Ng sống ly thân, chị M là người trực tiếp chăm sóc con chung và cháu Nhật A đã có cuộc sống ổn định với mẹ. Do đó, cần phải giao con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, A Ng không trực tiếp nuôi con nên có Ng vụ cấp dưỡng cho con. Chị M yêu cầu A Ng cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, A Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. A Ng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Do không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Xuân M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, A Nguyễn Quang Trọng Ng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"ly hôn, trA chấp nuôi con"* của chị Lê Thị Xuân M, đơn đề ngày 15/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân M được ly hôn với A Nguyễn Quang Trọng Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Nhật A, sinh ngày 01/01/2018 cho chị Lê Thị Xuân M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

A Nguyễn Quang Trọng Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. A Ng có quyền, Ng vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị Xuân M có quyền yêu cầu thi hành án. Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo

biên lai thu tiền số 0000336 ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

A Nguyễn Quang Trọng Ng phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/4/2025), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- UBND p. Thống Nhất, TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ry Thị Mỹ Hoàng